

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST

Ngày 16-8-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thái.

2. Ông Lương Ngọc Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 23/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-DS ngày 08/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/QĐ-ST ngày 29/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hoàng Thị H: Ông Dương Ngô G, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 329, đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.(có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị H1, sinh năm 1965 và ông Vi Văn C , sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đặng Đức L1, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 3, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Hoàng Thị H trình bày:*

Do có quan hệ quen biết với bà Trần Thị H1 và chồng bà H1 là ông Vi Văn C nên ngày 15/3/2021 chị có cho bà H1 vay số tiền là 500.000.000 đồng tiền gốc, mục đích vay là để bà H1 chuộc lại đất. Khi vay có viết giấy vay nợ ngày 15/3/2021. Theo giấy vay nợ ngày 15/3/2021 hai bên thỏa thuận số tiền vay là 500.000.000 đồng, hạn đến ngày 15/6/2021 bà H1 phải thanh toán cho chị số tiền đã vay này, hai bên không thỏa thuận về tiền lãi, mà thỏa thuận đến ngày 15/6/2021 bà H1 không trả chị tiền trên thì bà H1 sẽ phải chịu phạt 300% số tiền đã vay.

Kể từ ngày vay đến ngày 27/1/2022 bà H1 và ông C mới trả chị được số tiền là 300.000.000 đồng gốc, khi trả thì các bên có làm giấy biên nhận tiền ngày 27/01/2022. Theo giấy biên nhận tiền này thì giữa chị và bà H1 ông C có xác nhận bà H1 ông C đã trả số tiền nợ 300.000.000 đồng của giấy vay ngày 15/3/2021 và xác nhận bà H1 ông C còn nợ lại chị số tiền là 200.000.000 đồng, hạn sẽ trả khi chị yêu cầu. Tháng 2/2022 chị có việc cần đến tiền và có đòi bà H1 ông C nhưng họ không trả chị nốt số tiền còn nợ 200.000.000 đồng trên. Từ đó đến nay chị đòi rất nhiều lần nhưng họ vẫn không trả chị tiền. Nay, chị yêu cầu bà H1 ông C phải trả cho chị số tiền gốc còn nợ lại là 200.000.000 đồng. Ban đầu khởi kiện chị có yêu cầu về tiền lãi suất nhưng nay chị tự nguyện không yêu cầu bà H1 ông C phải trả chị tiền lãi suất nữa.

Ngày 10/5/2022 chị Hoàng Thị H có giấy ủy quyền cho anh Dương Ngô G tham gia tố tụng tại Tòa án: Anh G giữ nguyên lời khai của chị H đã khai.

Bị đơn Bà Trần Thị H1 trình bày: Bà và chị Hoàng Thị H có quen biết nhau qua con gái bà. Ngày 15/3/2021 bà và chị H có ký với nhau giấy vay nợ (giấy vay nợ ngày 15/3/2021). Theo giấy vay nợ này thì bà có vay nợ của chị H số tiền là 500.000.000 đồng tiền gốc, hạn đến ngày 15/6/2021 thì bà phải thanh toán cho chị

H số tiền này, hai bên không thỏa thuận về tiền lãi, mà thỏa thuận đến ngày 15/6/2021 bà không trả chị H số tiền trên thì bà sẽ phải chịu phạt 300% số tiền đã vay. Tuy nhiên thực tế bà không được cầm số tiền 500.000.000 đồng này. Lý do bà ký giấy vay nợ này là do con rể bà là anh Đặng Đức L1 có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà để cầm cố cho chị H để vay tiền chưa trả được hết. Bà muốn lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra nên bà mới ký giấy vay nợ chị H tiền và nhận nợ chị H tiền, chị H đã trả cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà ký giấy vay nợ trên hoàn toàn tự nguyện, không bị chị H hay bất kỳ ai ép buộc gì.

Kể từ khi ký giấy vay nợ ngày 15/3/2021, đến ngày 27/01/2022 thì bà và chồng là ông Vi Văn C có trả cho chị H số tiền là 300.000.000 đồng, khi trả có viết giấy biên nhận tiền ngày 27/01/2022, nội dung là bà và ông C trả cho chị H 300.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 15/3/2021, và còn nợ lại chị H là 200.000.000 đồng. Bà và ông C sẽ trả số tiền còn lại này khi chị H yêu cầu. Nay, chị H khởi kiện bà và ông C đề nghị bà và ông C phải trả cho chị số tiền gốc còn nợ lại là 200.000.000 đồng thì bà không đồng ý trả. Bà cho rằng bản chất số nợ trên là của anh Đặng Đức L1 con rể bà, anh Đặng Đức L1 có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà để cầm cố cho chị H để vay tiền chưa trả được hết. Bà muốn lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra nên bà mới ký giấy vay nợ chị H tiền và nhận nợ chị H tiền. Bà đề nghị chị H phải đòi anh L1 số tiền còn nợ lại trên, không thể đòi bà và ông C được.

Bị đơn ông Vi Văn C trình bày: Ông có quen biết chị H qua con gái ông và vợ ông là bà Trần Thị H1. Giữa bà H1 và chị H có ký với nhau giấy vay nợ ngày 15/3/2021 là đúng, sự việc này ban đầu ông không nắm được. Đến tận ngày 27/01/2022 chị H đến đòi bà H1 tiền thì ông mới biết bà H1 có ký giấy vay nợ ngày 15/3/2021, vay 500.000.000 đồng. Ông có hỏi bà H1 thì được bà H1 cho biết là con rể ông bà là anh Đặng Đức L1 có cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà để vay chị H tiền, đến ngày trả không có tiền trả nên bà muốn lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra, bà đã ký nhận nợ với chị H 500.000.000 đồng. Ngày 27/01/2022 sau khi biết sự việc thì ông và bà H1 có trả cho chị H

300.000.000 đồng, khi trả có viết giấy biên nhận tiền ngày 27/01/2022 và ông cùng bà H1 cùng ký giấy biên nhận tiền này, ông bà ký tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nội dung giấy biên nhận là đúng. Tuy nhiên đến nay chị H yêu cầu ông và bà H1 phải trả nốt số tiền gốc còn nợ lại là 200.000.000 đồng, ông không đồng ý trả cho chị H số tiền này. Bản chất số nợ trên là của anh Đặng Đức L1 con rể ông, ông bà muốn lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra nên mới nhận nợ chị H. Ông đề nghị chị H phải đòi anh L1 số tiền còn nợ lại trên, không thể đòi ông bà được.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đặng Đức L1 trình bày: Anh là con rể của bà Trần Thị H1 và ông Vi Văn C và anh có quen biết xã hội với chị Hòa. Năm 2020 anh có vay của chị H tiền. Khi vay anh có cầm cố cho chị H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Trần Thị H1, ông Vi Văn C, diện tích 697m², địa chỉ tại Thôn A, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do chị H đòi anh nhiều hơn số tiền thỏa thuận vay nên anh không trả được tiền cho chị H. Sau đó, giữa chị H và bà H1 có ký giấy vay nợ ngày 15/3/2021 và chị H ông C, bà H1 có ký giấy biên nhận 27/01/2022 tiền. Ban đầu anh không biết việc này, sau này thì anh mới biết. Việc ký các giấy tờ trên là do chị H ông C và bà H1 tự thỏa thuận và tự nguyện ký kết, anh không ép buộc gì ai ký cả. Anh biết lý do ông C và bà H1 ký nợ trên là để thỏa thuận với chị H để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh cầm cho chị H ra. Hiện nay ông C và bà H1 đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra rồi và đang quản lý. Nay, Tòa án cho anh xem giấy vay nợ ngày 15/3/2021 và giấy biên nhận 27/01/2022 và cho anh biết chị H đang khởi kiện yêu cầu ông C và bà H1 phải trả số nợ còn lại cho chị H là 200.000.000 đồng thì quan điểm của anh là anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh không có ý kiến gì. Về việc ông C và bà H1 đề nghị anh phải trả chị H số tiền 200.000.000 đồng trên thì anh không đồng ý.

Do anh đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Bắc Giang nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa xét xử vụ án trên.

Ngày 29/7/2022 Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án. Tuy nhiên bị đơn là ông Vi Văn C và bà Trần Thị H1 vắng mặt; đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đề nghị hoãn phiên tòa nên hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Trần Thị H1, ông Vi Văn C vắng mặt không có lý do.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị H do anh Dương Ngô G đại diện theo ủy quyền trình bày: Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị yêu cầu bà H1 ông C phải trả cho chị số tiền còn nợ lại là 200.000.000 đồng, chị tự nguyện không yêu cầu bà H1 ông C phải trả tiền lãi. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Hội đồng xét xử công khai biên bản lấy lời khai của bà H1, ông C, anh L1, đơn xin vắng mặt của anh L1. Chị H do anh G đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa tốt.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 357, Điều 429, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H: Buộc ông Vi Văn C và bà Trần Thị H1 phải liên đới trả cho chị H số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng.

Về án phí: Ông Vi Văn C, bà Trần Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Trả lại chị Hoàng Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Kiến nghị, khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau nghe khi ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Trần Thị H1 và ông Vi Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, anh Đặng Đức L1 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn chị H và bà H1 ông C là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Bị đơn có địa chỉ xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân

huyện Y, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 15/3/2021 chị Hoàng Thị H có cho bà Trần Thị H1 vay số tiền là 500.000.000 đồng; ngày 27/01/2021 bà Trần Thị H1 và chồng là ông Vi Văn C có trả cho chị H được 300.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng. Đến nay bà H1 ông C chưa trả được cho chị H số tiền còn nợ lại trên. Ngày 20/4/2022 chị H nộp đơn khởi kiện ra Tòa án. Vì vậy, tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị H thì thấy:

Ngày 15/3/2021 chị H có cho bà H1 vay số tiền là 500.000.000 đồng tiền gốc, mục đích vay là để bà H1 chuộc lại đất. Khi vay có viết giấy vay nợ ngày 15/3/2021. Theo giấy vay nợ ngày 15/3/2021, hai bên thỏa thuận số tiền vay là 500.000.000 đồng, hẹn đến ngày 15/6/2021 thì bà H1 phải thanh toán cho chị số tiền đã vay này, các bên không thỏa thuận về tiền lãi, mà thỏa thuận đến ngày 15/6/2021 bà H1 không trả chị tiền trên thì bà H1 sẽ phải chịu phạt 300% số tiền đã vay.

Kể từ ngày vay 15/3/2021 đến ngày 27/1/2022 thì bà H1 và chồng là ông C mới trả chị H được số tiền nợ là 300.000.000 đồng và các bên có làm giấy biên nhận tiền ngày 27/01/2022. Theo giấy biên nhận tiền này thì giữa chị H và bà H1 ông C có xác nhận bà H1 ông C đã trả số tiền nợ 300.000.000 đồng của giấy vay ngày 15/3/2021 và xác nhận bà H1 ông C còn nợ lại chị H số tiền là 200.000.000 đồng, hẹn sẽ trả nốt số tiền này khi chị H có yêu cầu. Đến ngày chị H đòi thì bà H1 ông C vẫn không trả chị nốt số tiền 200.000.000 đồng trên. Từ đó đến nay chị H đã đòi rất nhiều lần nhưng bà H1 ông C vẫn không trả cho chị Hòa. Nay, chị H yêu cầu bà H1 ông C phải trả cho chị số tiền gốc còn nợ lại là 200.000.000 đồng. Về lãi suất thì đến nay chị tự nguyện không yêu cầu bà H1 ông C phải trả chị nữa.

Phía bị đơn bà H1 thừa nhận chữ ký trong giấy vay nợ ngày 15/3/2021 là đúng chữ ký của bà, đến ngày 27/01/2022 thì bà và chồng là ông C có trả cho chị H số

tiền là 300.000.000 đồng, khi trả có viết giấy biên nhận tiền ngày 27/01/2022, chữ ký trong giấy này cũng là chữ ký của bà và ông C .

Phía bị đơn ông C cũng thừa nhận biết việc bà H1 ký giấy vay nợ ngày 15/3/2021 với chị H và đến ngày 27/01/2022 thì bà H1 và ông có trả cho chị H số tiền là 300.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 15/3/2021, còn nợ lại 200.000.000 đồng. Khi trả có viết giấy biên nhận tiền ngày 27/01/2022, chữ ký trong giấy này cũng là chữ ký của bà H1 và ông.

Hội đồng xét xử thấy: Cả bà H1 và ông C đều thừa nhận chữ ký và các nội dung thỏa thuận như trong giấy vay nợ ngày 15/3/2021 và giấy biên nhận tiền ngày 27/01/2022 là đúng. Ông bà ký giấy trên đều hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Cả ông bà đều thừa nhận đã trả cho chị H được số tiền là 300.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng. Như vậy phải khẳng định việc vay nợ và trả nợ giữa chị H và bà H1 ông C là có thật và trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Đối với việc bà H1 ông C cho rằng lý do ông bà ký nợ trên là do con rể ông bà là anh Đặng Đức L1 có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà để cầm cố cho chị H để vay tiền chưa trả được hết. Ông Bà muốn lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra nên đã ký giấy nhận nợ chị H tiền. Ông bà đã trả được chị H và còn nợ lại 200.000.000 đồng, đến nay chị H khởi kiện đòi số tiền 200.000.000 đồng thì ông bà không nhất trí trả số tiền này, đề nghị chị H đòi anh L1; phía anh L1 cho rằng việc bà H1 ông C ký nợ với chị H là hoàn toàn tự nguyện, anh không ép buộc ông C bà H1 phải ký, ông bà muốn lấy sổ đỏ ra nên đã ký nợ chị H. Quan điểm của anh là anh không đồng ý trả chị H số tiền trên như ông C bà H1 trình bày. Về nội dung này, Hội đồng xét xử thấy bản thân ông C bà H1 cũng cho rằng ông bà tự nguyện ký nhận nợ để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông bà đang quản lý. Đồng thời ông bà cũng đã thực hiện việc trả 300.000.000 đồng cho chị H rồi, còn nợ lại 200.000.000 đồng. Đến nay ông bà không đồng ý trả chị H nốt số tiền còn nợ lại này, ông bà yêu cầu anh L1 phải trả chị H, anh L1 không nhất trí, đồng thời chị H cũng không khởi kiện anh L1. Do vậy, việc ông C bà H1 đề nghị như trên là không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị H đối với ông C bà H1. Buộc ông C bà H1 phải trả cho chị H số tiền nợ còn lại là 200.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[5]. Về lãi suất: Chị H không yêu cầu anh ông C bà H1 phải trả lãi suất, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của chị H được chấp nhận, nên bà H1 ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Trả lại tiền tạm ứng án phí chị H đã đóng cho chị H.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 429, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Hoàng Thị H: Buộc bà Trần Thị H1 và ông Vi Văn C phải trả cho chị Hoàng Thị H số tiền nợ gốc còn nợ lại là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Trần Thị H1, ông Vi Văn C phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Hoàng Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.070.000 đồng theo biên lai thu số 0009485 ngày 25/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thái Lương Ngọc Biên

Nguyễn Thị Anh

Nơi nhận:

- TAND huyện Y;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

Nguyễn Thị Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Thị Lụa Lương Ngọc Biên

Nguyễn Thị Anh

Nơi nhận:

- TAND huyện Y;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Anh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Hậu- Nguyễn Hải Lý

Nguyễn Thị Anh

